TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CỦ CHI** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 975/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 28-6-2022
V/v tranh chấp Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỦ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Châu Trinh

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Đặng Thị Phương Thảo

Bà Hồ Thị Phương Chi

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Đức – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà: Ông Lê Quang Trinh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 280/2022/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 02 năm 2022 về việc: "Ly hôn", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 206/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2022 và quyết định hoãn phiên toà số 219/2022/QĐST–HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Huỳnh Thị G, sinh năm 1979; địa chỉ: số 252/5, tỉnh lộ 7, tổ 11, ấp Đ, xã M, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

- *Bị đơn*: Ông Lương Trung H, sinh năm 1978; Địa chỉ: 252/5, tỉnh lộ 7, tổ 11, ấp Đ, xã M, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn lập ngày 09/02/2022 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày như sau:

Bà Huỳnh Thị G và ông Lương Trung H có đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 10, quyển số 01/1999 ngày 13/3/1999 do Ủy ban nhân dân xã Thái Mỹ, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Trong quá trình chung sống, thời gian đầu chung sống hạnh phúc, nhưng những năm gần đây bà G và ông H thường xuyên mâu thuẫn, gây gổ, tính tình không hợp nhau, không tìm được tiếng nói chung, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc mặc dù đã cho nhau nhiều cơ hội để thay đổi. Nay vì mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không còn như trước, nhận thấy không thể tiếp tục duy trì hôn nhân được nữa, tại phiên tòa, bà G giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với ông H.

Hai ông bà có 02 con chung tên Lương Trung H, sinh ngày 17/5/1997 (đã thành niên) và Lương Ngọc H, sinh ngày 20/8/2009 (chưa thành niên). Sau khi ly hôn, nguyên đơn yêu cầu được nuôi con chung Lương Ngọc H, không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con. Nguyên đơn xác định không có tài sản chung, không có nghĩa vụ dân sự chung.

Bị đơn ông Lương Trung H vắng mặt không rõ lý do, không gửi ý kiến cho Tòa án.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi phát biểu quan điểm:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: những người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm về tố tụng: Không.

- Về nội dung: chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Nguyên đơn yêu cầu ly hôn với bị đơn. Đây là tranh chấp ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Căn cứ xác minh của Công an xã Thái Mỹ thì bị đơn hiện đang cư trú tại ấp Đ, xã M, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về tố tụng:

Tòa án triệu tập hợp lệ bị đơn lần thứ hai để tham gia tố tụng tại phiên tòa xét xử nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do, không có đơn xin vắng mặt, không có yêu cầu phản tố, bị đơn không cung cấp cho Tòa án ý kiến về yêu cầu của nguyên đơn cũng như cung cấp chứng cứ, tài liệu liên quan đến vụ án. Căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn, đồng thời Hội đồng xét xử chỉ xem xét tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Huỳnh Thị G và ông Lương Trung H tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 10, quyển số 01/1999, ngày 13/3/1999 do Ủy ban nhân dân xã Thái Mỹ, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh cấp, đây là hôn nhân hợp pháp.

[4] Về nội dung:

- Xét yêu cầu về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn bà G trình bày do không hợp nhau về quan điểm sống, thường xuyên tranh cãi làm cuộc sống gia đình rơi vào nhiều bế tắc không hạnh phúc, nguyên đơn nhận thấy không thể tiếp tục duy trì hôn nhân được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được nên nguyên đơn kiên quyết yêu cầu ly hôn với bị đơn ông H. Bị đơn không đến Toà án theo giấy triệu tập thể hiện bị đơn đã không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Xét thấy tình trạng hôn nhân đã có mâu thuẫn kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà G được ly hôn với ông H là có cơ sở và phù hợp với đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi.

- Xét yêu cầu về việc nuôi con chung: Bà G và ông H có 02 con chung, bà G không yêu cầu giải quyết về con chung tên Lương Trung H, sinh ngày 17/5/1997 (đã thành niên) nên Hội đồng xét xử không xem xét, bà G yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi con chung tên Lương Ngọc H, sinh ngày 20/8/2009, Hội đồng xét xử xét thấy để ổn định tâm sinh lý cho trẻ đồng thời nguyện vọng của trẻ là được tiếp tục sống cùng bà G nên cần tiếp tục giao con chung Lương Ngọc H cho bà G trực tiếp nuôi dưỡng. Điều này cũng phù hợp đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi.

- Xét yêu cầu cấp dưỡng nuôi con: Nguyên đơn không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung, Hội đồng xét xử không xem xét.

- Xét yêu cầu chia tài sản chung khi ly hôn: Nguyên đơn xác định không có tài sản chung, Hội đồng xét xử không xem xét.

- Xét về nghĩa vụ dân sự chung: Nguyên đơn xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm: Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, Hội đồng xét xử xét cần buộc nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 273, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, 56, 57, 58, 82, 83, 84, 119 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 6, 7, 26, 30, 31, 32 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2014); Luật phí và lệ phí năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

- Chấp nhận yêu cầu của bà Huỳnh Thị G được ly hôn ông Lương Trung H.

Giấy chứng nhận kết hôn số: 10, quyển số 01/1999 ngày 13/3/1999 do Ủy ban nhân dân xã Thái Mỹ, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh cấp không còn giá trị pháp lý.

- Về con chung: giao con chung tên Lương Ngọc H, sinh ngày 20/8/2009 cho bà Huỳnh Thị G trực tiếp nuôi dưỡng.

Người không trực tiếp nuôi con chung không cấp dưỡng nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức có quyền yêu cầu theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung: không xem xét trong vụ án này.

- Về nghĩa vụ dân sự chung: không có.

- Về án phí sơ thẩm: bà Huỳnh Thị G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu tiền số 0043927 ngày 23/02/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Củ Chi; bà Huỳnh Thị G đã nộp đủ tiền án phí.

Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Thời hạn kháng cáo đối với bản án này là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND huyện Củ Chi;
- UBND xã Thái Mỹ, huyện Củ Chi;
- Chi cục THADS huyện Củ Chi;
- Lưu: HS, VP;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Châu Trinh